

CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ECI  
Số: 13 /CV-ECI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC, Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.**  
- Mã chứng khoán: **ECI**  
- Địa chỉ trụ sở chính: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**  
- Điện thoại: **024.38213786 - 024.39728395** Fax: **024.39728395**  
- Email: Website: [www.bando.tranh.anh.vn](http://www.bando.tranh.anh.vn)

2. Nội dung thông tin công bố

- BCTC năm 2023

BCTC riêng của công ty (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023)

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Có

Không





+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Tập đoàn ECI vào ngày 29/03/2024 tại đường dẫn [www.bandotranhanh.vn](http://www.bandotranhanh.vn)

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2022: Không

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin được công bố.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Nguyễn Tuấn Nam**

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2023 của Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm 2023.
- Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán.



Số: 11 /CV-ECI  
V/v: Giải trình BCTC riêng  
năm 2023 đã được kiểm toán

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----000-----

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

**Kính gửi:** - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên Công ty: **Công ty cổ phần Tập đoàn ECI.**  
Địa chỉ trụ sở chính: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**  
Điện thoại: **024.38213786 - 024.39728395 Fax: 024.39728395**  
Website: **[www.bandotranhanh.vn](http://www.bandotranhanh.vn)**  
Mã chứng khoán: **ECI**

Công ty cổ phần Tập đoàn ECI xin giải trình về sự thay đổi lợi nhuận sau thuế và ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2023 đã được kiểm toán như sau:

**1. Giải trình Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này:**

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	Năm 2023	Năm 2022	Chênh lệch
1	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	( 6.203.446.797)	2.714.158.835	(8.917.605.632)

Lợi nhuận sau thuế năm 2023 bị lỗ là do:

- Trong năm 2023 doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ sụt giảm mạnh, giảm 61,76 % so với năm 2022.
- Đồng thời các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và các chi phí liên quan vẫn phải phát sinh, doanh thu không bù đủ chi phí dẫn đến bị lỗ.

**2. Giải trình Ý kiến ngoại trừ trong Báo cáo tài chính riêng năm 2023 đã được kiểm toán:**

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/NQ-HĐQT ngày 01/07/2022 đã thông qua việc tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền để đặt cọc mua cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Mini Số Việt Nam. Trong quá trình thương thảo, nhiều lần hai bên không thống nhất được mức phí chuyển nhượng, do đó phát sinh các khoản chi ra, thu vào tạm ứng cho Bà Phạm Ngọc Huyền. Đến cuối năm





2023, khi xác định chắc chắn rằng việc không thể đạt được thỏa thuận mua cổ phần này, Bà Phạm Ngọc Huyền đã hoàn ứng lại toàn bộ tiền tạm ứng cho phía Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI xin trân trọng giải trình !

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu HC.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
ECI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Nguyễn Tuấn Nam**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN  
ECI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN ECI**

**Báo cáo tài chính riêng**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Chủ tịch HĐQT	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 28





## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán.

### Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bàn đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

Vốn điều lệ: 18.600.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2023: 18.600.000.000 đồng

### Trụ sở chính

- Địa chỉ: 45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: (84) 024.9711146 - 8213786
- Fax: (84) 024.9711404 – 8213786
- Website: [www.bandotranhanh.vn](http://www.bandotranhanh.vn)

### Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đầu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

### *Nhân sự*

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 31 người. Trong đó, nhân viên gián tiếp là 2 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

### *Hội đồng quản trị*

- |                           |              |                              |
|---------------------------|--------------|------------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam     | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023     |
|                           | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022     |
| • Ông Nguyễn Quốc Việt    | Chủ tịch     | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022     |
|                           |              | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023   |
| • Ông Nguyễn Nam Phóng    | Phó chủ tịch | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
| • Ông Lưu Văn Thịnh       | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022     |
| • Ông Cao Văn Dũng        | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023     |
| • Bà Hoàng Mai Diệp       | Ủy viên      | Bổ nhiệm ngày 07/03/2023     |
| • Bà Nguyễn Thị Hồng Loan | Ủy viên      | Bổ nhiệm lại ngày 27/04/2021 |
|                           |              | Miễn nhiệm ngày 07/03/2023   |

### *Ban Kiểm soát*

- |                            |            |                          |
|----------------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Nguyễn Hoàng Yến      | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Lương Thị Thanh Duyên | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Bà Nguyễn Thanh Hương    | Ủy viên    | Bổ nhiệm ngày 30/08/2022 |

### *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*

- |                       |                   |                          |
|-----------------------|-------------------|--------------------------|
| • Ông Nguyễn Tuấn Nam | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 26/04/2022 |
| • Ông Cao Văn Dũng    | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Hoàng Mai Diệp   | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2022 |
| • Bà Đỗ Thị Thơm      | Kế toán trưởng    | Bổ nhiệm ngày 08/06/2022 |

### *Kiểm toán độc lập*

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80 Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn); Email: [aac@dng.vnn.vn](mailto:aac@dng.vnn.vn)).



## BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT (tiếp theo)

### Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT trong việc lập Báo cáo tài chính

Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Chủ tịch HĐQT là đại diện theo pháp luật của Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Chủ tịch HĐQT

**Nguyễn Tuấn Nam**

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số : 489/2024/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính lập ngày 26/03/2024 của Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT

Chủ tịch HĐQT Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

#### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 29, trong năm 2023, Công ty đã cho bà Phạm Ngọc Huyền (là cổ đông lớn sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và là người công bố thông tin của Công ty) tạm ứng 47.047.000.000 đồng, vượt quá 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất trong khi chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua là chưa phù hợp với quy định tại Điểm 4d, Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật chứng khoán.

Mặt khác, như trình bày tại mục (\*) của Thuyết minh số 8, giao dịch tạm ứng và hoàn ứng bằng tiền cho bà Huyền lần lượt là 47.047.000.000 đồng và 50.729.140.917 đồng; Số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2023 là 900.000.000 đồng. Với các tài liệu, thông tin chưa đầy đủ và chưa rõ ràng mà Công ty cung cấp, kiểm toán viên không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của các giao dịch tạm ứng và hoàn ứng nêu trên.



## Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

1. Chúng tôi xin lưu ý vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính riêng năm 2023 của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.
2. Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh 19d, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 07/03/2023 đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Công ty đã chốt quyền hưởng cổ tức vào ngày 04/12/2023; Số liệu cổ tức phải trả năm 2022 là 1,056 tỷ đồng hiện được Công ty theo dõi tại khoản mục “Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác”. Đến nay, Công ty đã nhiều lần gia hạn thời gian trả cổ tức và lần gia hạn thứ 3 là lùi thời điểm thanh toán cổ tức đến ngày 26/04/2024. Việc chậm trễ thanh toán cổ tức như trên là chưa phù hợp với quy định tại Điều 135 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong vòng 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên”.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2024

**Lê Đức Tùng - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5181-2021-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

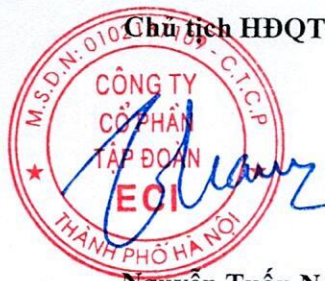
Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>28.267.434.479</b>	<b>34.357.356.961</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>486.576.393</b>	<b>16.778.096.979</b>
1. Tiền	111	5	486.576.393	16.778.096.979
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>20.000.000.000</b>	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	20.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.110.634.743</b>	<b>12.743.970.569</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.766.723.498	7.627.224.420
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		33.167.840	215.542.001
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.058.519.272	5.272.193.139
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(747.775.867)	(370.988.991)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>2.617.453.179</b>	<b>4.796.397.374</b>
1. Hàng tồn kho	141		4.404.402.450	6.605.709.369
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.786.949.271)	(1.809.311.995)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>52.770.164</b>	<b>38.892.039</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	28.472.724	38.892.039
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		24.297.440	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>18.347.862.333</b>	<b>19.648.896.722</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.270.117.226</b>	<b>5.236.240.695</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	4.270.117.226	5.236.240.695
- Nguyên giá	222		8.603.762.079	8.603.762.079
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.333.644.853)	(3.367.521.384)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>14.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		14.000.000.000	14.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7.b2	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>77.745.107</b>	<b>412.656.027</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	77.745.107	412.656.027
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>46.615.296.812</b>	<b>54.006.253.683</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.174.039.445</b>	<b>16.305.549.519</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.343.276.559</b>	<b>12.975.240.241</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	9.229.265.207	9.238.770.405
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		508.119.622	52.782.016
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	167.793.016	702.572.059
4. Phải trả người lao động	314		323.962.250	1.748.378.581
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	821.321.561	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	1.603.164.887	543.087.164
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18.a	499.546.392	499.546.392
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		190.103.624	190.103.624
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.830.762.886</b>	<b>3.330.309.278</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18.b	2.830.762.886	3.330.309.278
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>30.441.257.367</b>	<b>37.700.704.164</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>30.441.257.367</b>	<b>37.700.704.164</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.600.000.000	18.600.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415	19	(726.105.307)	(726.105.307)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	2.633.994.225	2.633.994.225
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	741.277.519	741.277.519
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19	9.192.090.930	16.451.537.727
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	19	15.395.537.727	14.012.856.118
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	19	(6.203.446.797)	2.438.681.609
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>46.615.296.812</b>	<b>54.006.253.683</b>



Nguyễn Tuấn Nam  
Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	20	17.936.526.332	47.214.671.763
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	110.898.816	597.194.460
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		17.825.627.516	46.617.477.303
4. Giá vốn hàng bán	11	22	13.874.452.021	32.925.332.737
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>3.951.175.495</b>	<b>13.692.144.566</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.496.220	338.210.967
7. Chi phí tài chính	22	24	316.875.986	124.020.376
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		306.335.986	124.020.376
8. Chi phí bán hàng	25	25.a	4.133.430.581	5.811.474.207
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25.b	5.559.023.616	4.942.533.295
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>(6.048.658.468)</b>	<b>3.152.327.655</b>
11. Thu nhập khác	31		3.245.003	13.422.001
12. Chi phí khác	32		156.264.812	2.885.649
13. Lợi nhuận khác	40		<b>(153.019.809)</b>	<b>10.536.352</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>(6.201.678.277)</b>	<b>3.162.864.007</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	1.768.520	724.182.398
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>(6.203.446.797)</b>	<b>2.438.681.609</b>



Chủ tịch HĐQT

Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu

Ngô Thị Hương Giang



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(6.201.678.277)	3.162.864.007
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	12	966.123.469	533.838.179
- Các khoản dự phòng	03		354.424.152	(1.058.210.513)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	23	(9.496.220)	(338.210.967)
- Chi phí lãi vay	06	24	306.335.986	124.020.376
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		(4.584.290.890)	2.424.301.082
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.240.141.921	2.319.597.698
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.201.306.919	874.681.668
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(493.941.062)	2.485.086.296
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		345.330.235	(337.019.567)
- Tiền lãi vay đã trả	14	24	(306.335.986)	(124.020.376)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	15	(195.791.140)	(638.800.090)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.206.419.997</b>	<b>7.003.826.711</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		-	(5.693.018.926)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	6	(20.000.000.000)	(2.200.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		-	11.260.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(14.000.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.200.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8, 23	1.605.809	264.589.049
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(19.998.394.191)</b>	<b>(9.168.429.877)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	4.038.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	18	(499.546.392)	(208.144.330)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(2.815.825.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(499.546.392)</b>	<b>1.014.030.470</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(16.291.520.586)</b>	<b>(1.150.572.696)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	16.778.096.979	17.928.669.675
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>486.576.393</b>	<b>16.778.096.979</b>

M.S.D.N: 0102137109  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ECI  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chủ tịch HĐQT  
  
Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu



Ngô Thị Hương Giang



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Tập đoàn ECI (sau đây gọi tắt là “Công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục, được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 6 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 21/03/2023.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 25/5/2009 với mã chứng khoán là ECI.

#### 1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh và thương mại.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá);
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ ăn uống khác;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống.
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh..

#### 1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty có 1 Công ty con:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	45 Hàng Chuối, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh và thương mại	80,00%



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2023, Công ty có 1 Công ty con. Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

### **4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

#### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **4.2 Các khoản đầu tư tài chính**

##### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

##### ***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mọi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Các khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### *Dự phòng*

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

### **4.3 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc bao gồm:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

### **4.5 Tài sản cố định hữu hình**

#### *Nguyên giá*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 4

### **4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.7 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty.
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ vào kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.8 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các kế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”..



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các Cổ đông.

#### **Cổ phiếu Quỹ**

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền đã trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận năm trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của năm lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của năm sau.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **4.13 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.14 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

### **4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.17 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ thuế tài chính, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ; 5% đối với hoạt động bán sách tranh và thiết bị giáo dục; Hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục đĩa CD- Rom



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

phục vụ cho giáo dục không chịu thuế. Riêng giai đoạn từ 01/07/2023 đến 31/12/2023, Công ty áp dụng thuế suất 8% đối với mặt hàng nẹp treo bản đồ theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền mặt	93.251.000	94.213.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	393.325.393	16.683.883.979
<b>Cộng</b>	<b>486.576.393</b>	<b>16.778.096.979</b>

### 6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	20.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>-</b>

### 7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Hải Dương	281.216.200	57.979.680
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Sơn La	333.570.539	333.570.539
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hồ Chí Minh	477.435.915	802.764.915
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Golden Bay	2.364.936.000	-
Các đối tượng khác	1.309.564.844	6.374.929.606
<b>Cộng</b>	<b>4.766.723.498</b>	<b>7.627.224.420</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	7.890.411	-	-	-
Phải thu thuế TNCN	10.628.861	-	63.964.339	-
Tạm ứng	900.000.000	-	5.158.228.800	-
- Bà Phạm Ngọc Huyền (*)	900.000.000	-	4.677.358.800	-
- Các đối tượng khác	-	-	480.870.000	-
Phải thu khác	140.000.000	-	50.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.058.519.272</b>	<b>-</b>	<b>5.272.193.139</b>	<b>-</b>

(\*) Giao dịch tạm ứng và hoàn ứng cho bà Huyền phát sinh năm 2023 lần lượt là 47.047.000.000 đồng và 50.824.358.800 đồng (Trong đó tạm ứng và hoàn ứng bằng tiền lần lượt là 47.047.000.000 đồng và 50.729.140.917 đồng)

### 9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2023	01/01/2023
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn	747.775.867	370.988.991
- Từ 3 năm trở lên	385.251.631	155.592.452
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	64.925.952	150.255.489
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	59.298.900	60.270.010
- Trên 6 tháng đến dưới 1 năm	238.299.384	4.871.040
<b>Cộng</b>	<b>747.775.867</b>	<b>370.988.991</b>

### 10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	52.232.655	-	48.915.399	-
Thành phẩm	3.320.809.922	1.591.876.915	5.109.521.188	1.567.723.557
Hàng hóa	1.031.359.873	195.072.356	1.447.272.782	241.588.438
<b>Cộng</b>	<b>4.404.402.450</b>	<b>1.786.949.271</b>	<b>6.605.709.369</b>	<b>1.809.311.995</b>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2023 là 2.232.735.855 đồng. Hiện nay, Công ty chưa có kế hoạch thanh lý đối với các mặt hàng có thể tiêu thụ và hủy bỏ đối với các mặt hàng còn lại.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2023.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 11. Chi phí trả trước

#### a. Ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.991.666	32.835.039
Chi phí bảo hiểm	25.481.058	6.057.000
<b>Cộng</b>	<b>28.472.724</b>	<b>38.892.039</b>

#### b. Dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	11.313.135	97.726.113
Tem và thẻ cào điện tử	194.354	13.915.471
Chi phí sửa chữa	58.358.979	22.614.443
Chi phí khác	7.878.639	278.400.000
<b>Cộng</b>	<b>77.745.107</b>	<b>412.656.027</b>

### 12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	342.503.748	7.861.948.626	399.309.705	8.603.762.079
Tăng trong năm	-	-	-	-
Phân loại lại	-	(40.758.926)	40.758.926	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>7.821.189.700</b>	<b>440.068.631</b>	<b>8.603.762.079</b>
<b>Khấu hao</b>				
Số đầu năm	342.503.748	2.639.951.367	385.066.269	3.367.521.384
Khấu hao trong năm	-	942.043.333	24.080.136	966.123.469
Phân loại lại	-	(82.175)	82.175	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>342.503.748</b>	<b>3.581.912.525</b>	<b>409.228.580</b>	<b>4.333.644.853</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	-	5.221.997.259	14.243.436	5.236.240.695
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>4.239.277.175</b>	<b>30.840.051</b>	<b>4.270.117.226</b>

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 4.239.277.175 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 2.910.743.153 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Các cam kết về việc mua lại TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

31/12/2023

01/01/2023

Tinh hình hoạt động	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty con		14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-
- Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	1.400.000	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>14.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>14.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Báo cáo tài chính gắn nhất của Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
XN Bản đồ 1 - CN Công ty TNHH MTV Trắc địa Bản đồ Công ty TNHH In và TBGD Đông Á	4.027.766.051	3.557.559.235
Công ty TNHH xuất nhập khẩu MSD Việt Nam	1.219.401.275	1.499.393.355
Công ty TNHH Một thành viên In Quân đội 2	2.296.006.900	-
Các đối tượng khác	852.000.000	1.522.000.000
	834.090.981	2.659.817.815
<b>Cộng</b>	<b>9.229.265.207</b>	<b>9.238.770.405</b>

### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng	-	83.305.340	15.720.061	83.305.340	-	15.720.061
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	285.591.161	1.768.520	195.791.140	-	91.568.541
Thuế thu nhập cá nhân	-	333.675.558	173.267.203	446.438.347	-	60.504.414
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	328.651.830	328.651.830	-	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>702.572.059</b>	<b>522.407.614</b>	<b>1.057.186.657</b>	<b>-</b>	<b>167.793.016</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
Trích trước phí nhuận bút	650.287.551	-
Các khoản trích trước khác	171.034.010	-
<b>Cộng</b>	<b>821.321.561</b>	<b>-</b>

### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023	01/01/2023
Kinh phí công đoàn	291.116.069	266.233.461
Thù lao HĐQT, BKS	88.690.000	111.590.000
Thuế TNCN thu thừa	163.025.907	160.930.792
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.058.605.610	2.605.610
Phải trả khác	1.727.301	1.727.301
<b>Cộng</b>	<b>1.603.164.887</b>	<b>543.087.164</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 18. Vay và nợ thuê tài chính

#### a. Ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn đến hạn trả	499.546.392	499.546.392	499.546.392	499.546.392
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	499.546.392	499.546.392	499.546.392	499.546.392
<b>Cộng</b>	<b>499.546.392</b>	<b>499.546.392</b>	<b>499.546.392</b>	<b>499.546.392</b>

#### b. Dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	3.829.855.670	-	499.546.392	3.330.309.278
- Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam - CN Trần Duy Hưng	3.829.855.670	-	499.546.392	3.330.309.278
<b>Cộng</b>	<b>3.829.855.670</b>	<b>-</b>	<b>499.546.392</b>	<b>3.330.309.278</b>
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	499.546.392			499.546.392
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>3.330.309.278</b>			<b>2.830.762.886</b>

Vay dài hạn Ngân hàng TNHH MTV ShinHan Việt Nam – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo Hợp đồng Tín dụng số SHBVN/TDH/PL/2022/1376 ngày 20/07/2022. Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng tiền vay: vay mua xe. Lãi suất cho vay: 8,5% /năm trong khoảng thời gian 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, sau đó lãi suất thả nổi. Hình thức đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay.

### 19. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2022	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	14.012.856.118	35.262.022.555
Tăng trong năm	-	-	-	-	2.438.681.609	2.438.681.609
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2022</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>16.451.537.727</b>	<b>37.700.704.164</b>
Số dư tại 01/01/2023	18.600.000.000	(726.105.307)	2.633.994.225	741.277.519	16.451.537.727	37.700.704.164
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(6.203.446.797)	(6.203.446.797)
Giảm trong năm	-	-	-	-	1.056.000.000	1.056.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>18.600.000.000</b>	<b>(726.105.307)</b>	<b>2.633.994.225</b>	<b>741.277.519</b>	<b>9.192.090.930</b>	<b>30.441.257.367</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.860.000	1.860.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	100.000	100.000
- Cổ phiếu phổ thông	100.000	100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.760.000	1.760.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

### c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	16.451.537.727	14.012.856.118
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm này	(6.203.446.797)	2.438.681.609
Phân phối lợi nhuận	1.056.000.000	-
- Phân phối lợi nhuận năm trước	1.056.000.000	-
+ Chia cổ tức	1.056.000.000	-
- Tạm phân phối lợi nhuận năm này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>9.192.090.930</b>	<b>16.451.537.727</b>

### d. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 07/03/2023 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ 6% vốn điều lệ. Theo đó, Công ty thực hiện chốt quyền chi trả cổ tức bằng tiền như sau:

- Ngày đăng ký cuối cùng: 04/12/2023
- Thời gian thực hiện: 18/12/2023

Ngày 15/12/2023, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức đến ngày 22/01/2024.

Ngày 17/01/2024, Công ty thông báo lùi thời gian chi trả cổ tức lần 2 đến ngày 29/02/2024.

Ngày 27/02/2024, Công ty tiếp tục thông báo lùi thời hạn chi trả cổ tức lần 3 đến ngày 26/04/2024.

## 20. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu bản đồ, tranh ảnh giáo dục	10.741.459.627	30.456.787.705
Doanh thu thiết bị giáo dục	7.191.367.505	16.159.843.418
Doanh thu bán sách tham khảo	3.699.200	598.040.640
<b>Cộng</b>	<b>17.936.526.332</b>	<b>47.214.671.763</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 21. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2023	Năm 2022
Chiết khấu thương mại	92.620.039	439.977.158
Hàng bán bị trả lại	18.278.777	157.217.302
<b>Cộng</b>	<b>110.898.816</b>	<b>597.194.460</b>

### 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2023	Năm 2022
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	7.733.471.476	20.338.559.285
Giá vốn thiết bị giáo dục	6.161.014.083	13.204.767.050
Giá vốn sách tham khảo	2.329.186	281.959.961
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(22.362.724)	(899.953.559)
<b>Cộng</b>	<b>13.874.452.021</b>	<b>32.925.332.737</b>

### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	9.496.220	88.210.967
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	250.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.496.220</b>	<b>338.210.967</b>

### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay	306.335.986	124.020.376
Chiết khấu thanh toán	10.540.000	-
<b>Cộng</b>	<b>316.875.986</b>	<b>124.020.376</b>

### 25. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.303.332.915	2.776.123.775
Chi phí bốc xếp vận chuyển	166.999.500	506.367.139
Chi phí hoa hồng môi giới	171.034.010	918.566.621
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	775.958.234	716.467.638
Các khoản khác	716.105.922	893.949.034
<b>Cộng</b>	<b>4.133.430.581</b>	<b>5.811.474.207</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2023	Năm 2022
Tiền lương và các khoản trích theo lương	2.003.383.119	2.496.849.541
Chi phí thuê nhà	126.163.638	126.163.634
Chi phí khấu hao	966.123.469	500.701.817
Chi phí giao dịch, hội nghị	209.808.892	186.567.042
Dịch vụ phí, chuyển tiền, công văn...	691.529.297	483.465.454
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	376.786.876	(158.256.954)
Các khoản khác	1.185.228.325	1.307.042.761
<b>Cộng</b>	<b>5.559.023.616</b>	<b>4.942.533.295</b>

### 26. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2023	Năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.201.678.277)	3.162.864.007
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	1.307.504.805	458.047.982
- Điều chỉnh tăng	1.307.504.805	458.047.982
+ Chi phí khấu hao (nguyên giá xe ô tô trên 1,6 tỷ đồng)	675.376.667	-
+ Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	306.335.986	-
+ Chi phí không được trừ theo Luật Thuế	325.792.152	340.573.982
+ Thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	-	117.474.000
- Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	(4.894.173.472)	3.620.911.989
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.768.520</b>	<b>724.182.398</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	-	724.182.398
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.768.520	-

### 27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	308.408.375	1.133.988.515
Chi phí nhân công	4.724.484.940	9.516.748.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	966.123.469	533.838.179
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.474.316.240	20.185.510.843
Chi phí khác bằng tiền	781.169.318	1.829.351.880
<b>Cộng</b>	<b>15.254.502.342</b>	<b>33.199.437.655</b>



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **28. Quản lý rủi ro**

#### **a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### **b. Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá.

##### *Quản lý rủi ro về lãi suất*

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh từ các khoản vay đã ký kết với các Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Chủ tịch HĐQT cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### *Quản lý rủi ro về giá*

Chi phí in ấn và chi phí nguyên liệu chiếm phần lớn trong giá thành thành phẩm nên Công ty chịu rủi ro về giá phí in ấn và giá nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu rủi ro về giá hàng hóa kinh doanh. Công ty quản lý rủi ro về chi phí in ấn thông qua việc tìm kiếm nhà cung cấp với phí dịch vụ thấp nhất, tập trung số lượng in lớn trên bản in và ký hợp đồng nguyên tắc từ đầu năm để giảm chi phí. Đối với nguyên vật liệu và hàng hóa, Công ty lựa chọn những đối tác tin cậy lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Ngoài ra, Công ty còn so sánh mức giá giữa các nhà cung cấp để đảm bảo mua nguyên vật liệu, hàng hóa chất lượng nhưng với mức giá hợp lý nhất.

##### *Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Chủ tịch HĐQT đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng khác nhau, bán hàng thu tiền ngay tại cửa hàng bán lẻ. Các khách hàng khác của Công ty là các Công ty sách lớn, các trường học,... Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, thanh toán công nợ kịp thời. Mặt khác, các khoản nợ sắp đến hạn thanh toán thường xuyên được Công ty đôn đốc thu hồi.

##### *Quản lý rủi ro thanh khoản*

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

<u>31/12/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	9.229.265.207	-	9.229.265.207
Chi phí phải trả	821.321.561	-	821.321.561
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	2.830.762.886	3.330.309.278
Phải trả khác	1.312.048.818	-	1.312.048.818
<b>Cộng</b>	<b><u>11.862.181.978</u></b>	<b><u>2.830.762.886</u></b>	<b><u>14.692.944.864</u></b>
<u>01/01/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Phải trả người bán	9.238.770.405	-	9.238.770.405
Vay và nợ thuê tài chính	499.546.392	3.330.309.278	3.829.855.670
Phải trả khác	276.853.703	-	276.853.703
<b>Cộng</b>	<b><u>10.015.170.500</u></b>	<b><u>3.330.309.278</u></b>	<b><u>13.345.479.778</u></b>

Chủ tịch HĐQT cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh toán và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

<u>31/12/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	486.576.393	-	486.576.393
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Phải thu khách hàng	4.018.947.631	-	4.018.947.631
Phải thu khác	158.519.272	-	158.519.272
<b>Cộng</b>	<b><u>24.664.043.296</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>24.664.043.296</u></b>
<u>01/01/2023</u>	<u>Không quá 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.778.096.979	-	16.778.096.979
Phải thu khách hàng	7.256.235.429	-	7.256.235.429
Phải thu khác	113.964.339	-	113.964.339
<b>Cộng</b>	<b><u>24.148.296.747</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>24.148.296.747</u></b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 29. Thông tin về các bên liên quan

#### a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Công ty con
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Ngọc Huyền	Phụ trách kế toán tại Công ty con Nhân viên công ty, người đại diện công bố thông tin

#### b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

	Giao dịch	Năm 2023	Năm 2022
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán bản đồ, tranh ảnh	23.615.273	31.145.203
Công ty CP Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh	183.526.200	158.720.000
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Bán bản đồ, tranh ảnh	819.264.960	1.379.636.320
	Mua thiết bị giáo dục	830.174.532	1.888.486.147
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán bản đồ, tranh ảnh	204.600.000	1.244.300.800
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Bán bản đồ, tranh ảnh	534.780.000	1.280.857.600
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Trung	Bán bản đồ, tranh ảnh	161.370.000	351.564.800
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Bán bản đồ, tranh ảnh	483.878	-
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Chi hộ	140.000.000	-
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tạm ứng	-	30.030.870.000
	Hoàn ứng	430.870.000	29.600.000.000
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	47.047.000.000	41.542.213.500
	Hoàn ứng	50.824.358.800	36.864.854.700

#### c. Số dư các bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2023	01/01/2023
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Phải thu khách hàng	838.798	22.784.040
Công ty CP Học liệu	Người mua trả tiền trước	122.760.000	-
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học TP. HCM	Phải thu khách hàng	4.349.640	-
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	Người mua trả tiền trước	124.280.000	-
Bà Phạm Ngọc Huyền	Tạm ứng	900.000.000	4.677.358.800
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục ECI	Phải thu khác	140.000.000	-



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### d. Thu nhập của các cán bộ quản lý chủ chốt

Thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc như sau

	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
<b>Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b>			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Chủ tịch HĐQT	-	13.824.000
Ông Nguyễn Nam Phóng	Phó Chủ tịch HĐQT	-	32.500.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Trưởng Ban kiểm soát	-	7.680.000
<b>Tiền lương Ban Tổng Giám đốc</b>			
Ông Nguyễn Tuấn Nam	Tổng Giám đốc	442.560.996	218.044.000
Ông Cao Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	516.348.848	555.428.898
Bà Hoàng Mai Diệp	Phó Tổng Giám đốc	482.923.881	188.752.431

### 30. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

### 31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính riêng của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi AAC.

  
Tổng Giám đốc  
*(Signature)*  
Nguyễn Tuấn Nam

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Kế toán trưởng  
*(Signature)*  
Đỗ Thị Thơm

Người lập biểu  
*(Signature)*  
Ngô Thị Hương Giang

